

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2019/DS-PT
Ngày: 08-11-2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

Các thẩm phán:

1. Bà Trương Thị Tuyền;
2. Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Bích Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Nhật Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2019/TLPT- DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2019/QĐXX-PT ngày 15 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp B, Xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của bản án sơ thẩm, bà Trần Thị Kim T trình bày:

Bà T và bà Nguyễn Thị L là chị em cô cậu. Ngày 01/5/2016, bà L có vay của bà T số tiền 256.000.000 đồng để làm ăn, bà T giao đủ tiền cho bà L có viết giấy biên nhận nợ. Hai bên thỏa thuận khi cần tiền báo trước một tháng để trả tiền, lãi suất thỏa thuận miệng số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Do bà L không trả lãi, nên tháng 01/2017 bà T đòi nợ và đòi tiền lãi, bà L hẹn nhiều lần, khi bán được đất không trả tiền.

Bà L cho rằng đã trả cho bà số tiền 55.000.000 đồng là không có. Ngày 09/02/2017, bà L có làm giấy ủy quyền cho bà nhận số tiền 85.000.000 đồng do bà L được thi hành án của ông Phan Xuân L tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện T, tỉnh Tây Ninh để cản trở số nợ trên; bà đã nhận nhưng phải đóng phí thi hành án cho bà L số tiền 2.550.000 đồng; nên bà đồng ý khấu trừ số tiền 82.450.000 đồng. Do đó bà L còn nợ bà số tiền 173.550.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà L trả số tiền 173.550.000 (một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

** Bị đơn – bà Nguyễn Thị L:*

Năm 2012 bà có mở hội thảo, bà T có tham gia góp hội; khi bà T lĩnh được hội thì bà L đã mượn số tiền lĩnh hội của bà T và viết giấy nợ 02 bản; giấy nợ lần đầu bị mất; bà L viết giấy nợ lần hai vào ngày 01/6/2016 với số tiền 256.000.000 đồng. Do chị em họ nên không tính lãi suất, khi nào có tiền trả nợ. Giấy nợ bà viết là tự nguyện, không có bị ép buộc hay đe dọa. Năm 2016 bà có nhờ bà Nguyễn Thị Hạnh P (người giúp việc của bà) trả cho bà T số tiền 5.000.000 đồng, trả cho chị Huê số tiền 5.000.000 đồng, trả cho má bà T số tiền 5.000.000 đồng. Trong năm 2016, bà L trực tiếp trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng; năm 2017 bà trả cho bà T số tiền 8.000.000 đồng; gần tết năm 2017 bà trả cho bà T số tiền 2.000.000 đồng. Tổng số tiền bà đã trả cho bà T 55.000.000 đồng không viết giấy biên nhận tiền. Ngày 09/02/2017, bà ủy quyền cho bà T nhận số tiền 85.500.000 đồng của bà được thi hành án của ông Phan Xuân L tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh để cản trở số nợ của bà.

Do đó bà L xác định còn nợ bà T tổng số tiền 140.500.000 đồng.

Năm 2014 bà có nợ chị H không nhớ bao nhiêu tiền, đã trả nhiều lần, còn nợ số tiền 17.000.000 đồng. Số tiền 55.000.000 đồng bà trả cho chị T, không liên quan gì đến chị H.

** Người làm chứng – chị Trần Thị Kim H trình bày:* Năm 2014, bà L có mượn của chị số tiền 175.000.000 đồng, đã trả số tiền 138.000.000 đồng, còn nợ số tiền 37.000.000 đồng. Chị xác định bà Nguyễn Thị Hạnh P có trả cho chị số tiền 55.000.000 đồng không liên quan đến khoản nợ với bà T.

** Người làm chứng – bà Nguyễn Thị Hạnh P trình bày:* Bà là người giúp việc của bà L. Khi bà L bế hội, bà L có đưa tiền cho bà trả cho bà T. Bà trực tiếp trả cho bà T số tiền 15.000.000 đồng nhưng không có người nhìn thấy và không có biên nhận tiền.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T. Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 173.550.000 (một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu trả tiền lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/8/2019 bà L có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý trả cho bà T số tiền 173.550.000 đồng; bà L đồng ý trả số tiền 118.550.000 đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc kháng cáo của bị đơn không có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị Kim T yêu cầu bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 173.550.000 đồng, nhưng bà L xác định còn nợ số tiền 118.550.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bà L thấy rằng:

Giữa bà T và bà L đã xác lập giao dịch vay số tiền 256.000.000 đồng có lập giấy nhận tiền, không thể hiện thời hạn vay, không có thỏa thuận lãi suất đã được các bên thừa nhận. Đồng thời các bên thống nhất khấu trừ số tiền 82.450.000 đồng do bà T nhận thay cho bà L được thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T tỉnh Tây Ninh; nên số tiền bà L còn nợ 173.550.000 đồng. Tuy nhiên bà L cho rằng sau khi còn nợ số tiền 173.550.000 đồng, bà L tiếp tục trả cho bà T nhiều lần với số tiền 55.000.000 đồng, nhưng không có giấy tờ chứng minh, không được bà T thừa nhận. Do đó cấp sơ thẩm căn cứ Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 173.550.000 đồng là có căn cứ.

[3] Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa, bà L cho rằng còn nợ bà T số tiền 118.550.000 đồng, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Khoản 1, Điều 29 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bà Nguyễn Thị L kháng cáo nhưng không được chấp nhận; nên phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm dân sự số: 29/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 26; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T. Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 173.550.000 (một trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn) đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu trả tiền lãi.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 8.677.500 (tám triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng. Bà Trần Thị Kim T không phải chịu; hoàn trả cho bà T số tiền 6.400.000 (sáu triệu, bốn trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0019675 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0006214 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADSH. huyện C;
- TAND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Minh Châu